

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 4 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 165/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 05, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 05, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị P vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Chí D vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 03/3/2021 của bà Huỳnh Thị P; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị P và ông Nguyễn Chí D tự tìm hiểu quen biết và chung sống với nhau vào năm 1998, đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang (theo bản chính

Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 02 ngày 20/10/2003 của UBND xã Khánh An, huyện An Phú).

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi có con chung thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D không chí thú làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Bà P đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D vẫn không thay đổi. Bà P và ông D đã sống ly thân nhau khoảng 04 năm nay, không hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông D sinh được 01 (một) con chung tên: Nguyễn Huỳnh Đ, sinh ngày 20/8/2000, hiện con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/3/2021 nhưng ông D vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D, ông D cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 29/3/2021, bà P có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà P giao nộp: Bản tự khai. Bản photo giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 20/10/2003 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú; bản sao hai giấy khai sinh mang tên Nguyễn Huỳnh Đ; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Chí D; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị P.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Huỳnh Thị Quyên ngày 02/4/2021; biên bản xác minh tại Ban ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú ngày 02/4/2021.

Tại phiên tòa, do bà P và ông D cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà P, biên bản lấy lời khai người làm chứng, biên bản xác minh tại Ban ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh ngày 02/4/2021, đại diện Ban ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú cho biết: Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1973; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 05, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông D thường xuyên sinh sống tại địa phương. Trước đây, ông D và bà P có thời gian đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó phát sinh mâu thuẫn nên ông D bỏ về địa phương sinh sống, bà P thì không thấy trở về chung sống với ông D. Cả hai sống ly thân nhau đã lâu.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 02/4/2021, bà Huỳnh Thị Q cho biết: Bà là em ruột của bà P. Bà sinh sống gần nhà vợ chồng ông D, bà P nên bà biết rõ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông D và bà P. Hai người tự tìm hiểu, quen biết nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 1998. Sau kết hôn thì bà P và ông D sống tại địa chỉ hiện nay.

Do cuộc sống ở quê khó khăn nên hai người lên Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm. Làm được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn với nhau, sau đó ông D một mình bỏ về quê sinh sống. Nguyên nhân là do ông D không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, bà P nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai không thể hàn gắn được. Hai người ly thân nhau hơn 03 năm nay, không hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Có 01 con chung hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do nhà xa, đang nuôi con nhỏ nên bà Q yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Chí D vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Huỳnh Thị P có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Huỳnh Thị Q đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà P và ông D đã đến mức trầm trọng ly thân nhau hơn 03 năm nay, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và phía bà P. Về con chung, do con chung hiện nay đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Chí D đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông D đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn

bà Huỳnh Thị P P có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Huỳnh Thị Q có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà P và ông D hình thành do tự tìm hiểu nhau và được cha mẹ đồng ý cho tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyền số 02 ngày 20/10/2003. Ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P cho rằng, vào khoảng năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D không lo làm ăn và sống không trách nhiệm với gia đình, bà P nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông D không thay đổi, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Do đó, bà P và ông D đã sống ly thân nhau hơn 03 năm nay, không hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông D. Những mâu thuẫn mà bà P trình bày được bà Q là em ruột của bà P xác nhận trong biên bản lấy lời khai người làm chứng và đại diện Ban ấp An Khánh, xã Khánh An huyện An Phú xác nhận trong biên bản xác minh cùng ngày 02/4/2021.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà P và ông D lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc bà P và ông D đã sống ly thân nhau hơn 03 năm nay, không hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông D đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông D sinh được 01 (một) con chung tên: Nguyễn Huỳnh Đ, sinh ngày 20/8/2000. Hiện con chung đã trưởng thành, nên bà P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai tự thỏa thuận tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông D có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà P và ông D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Chí D.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0007006 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Chí D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Huỳnh Thị P và ông Nguyễn Chí D. Bà P và ông D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 02 ngày 20/10/2003 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Huỳnh Thị P và ông Nguyễn Chí D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh An (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn